

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 01- 2021
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

-Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thực - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST.HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HN ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1994 (có mặt)

HKTT: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Hiện trú tại: Xóm 5, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

-Bị đơn: Anh Phạm Duy Q, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Chị và anh Phạm Duy Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2017, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh Q ở N, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh Q ghen tuông vô cớ, chị là giáo viên nên ngoài việc đi dạy còn phải họp hành và tham nhiều hoạt động khác nhưng anh Q không tin tưởng, mỗi khi chị ra khỏi nhà thì anh nghĩ chị đi chơi với người này người kia rồi kiếm có đánh chị. Việc anh Q đánh chị gia đình chồng biết và can ngăn nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Đến tháng 10/2019 anh Q lại tiếp tục đánh chị, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở T, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Duy Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình anh Phạm Duy Q nhưng anh Q cố tình trốn tránh không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Phạm Duy Q; Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Duy Q được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Phạm Duy Q tự nguyện kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh Q thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng giữa hai anh chị

không thể giải quyết dẫn đến việc sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến khi tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo phiên họp hòa giải nhưng anh Phạm Duy Q không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu. Điều này chứng tỏ anh Q không có thiện chí để vợ chồng hàn gắn, hơn nữa cả hai đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay mà chị M anh Q không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh Q đang trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Phạm Duy Q.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp án phí.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Phạm Duy Q.

2/ Con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001372 ngày 07.10.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Phạm Duy Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ